

PHÂN TÍCH ĐOẠN TRÍCH “KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH” CỦA NGUYỄN DU

1. Dàn ý phân tích đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” Nguyễn Du

I. Mở bài:

- Giới thiệu về tác phẩm và đoạn trích:

+ Tác phẩm “Truyện Kiều” là một tuyệt phẩm của tác giả Nguyễn Du. Ông đã đóng góp cho nền thi ca Việt Nam cổ đại một tác phẩm tuyệt vời có sức sáng tạo, vang xa tới nhiều thế hệ sau.

+ Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” là một đoạn trích hay nó đã lột tả được tâm trạng của Thúy Kiều.

II. Thân bài:

- Giới thiệu qua về hoàn cảnh của Thúy Kiều vì đâu mà nàng lại có mặt tại lầu Ngưng Bích này.

- Sau khi gia đình lâm biến và bị Mã Giám Sinh dùng mưu hèn kế bẩn, gạt gẫm lừa tình rồi bị bán vào thanh lâu, Thúy Kiều đã định tự kết liễu đời mình, nhưng kế hoạch của nàng không thành công.

- Đây là tâm trạng của Kiều những ngày đầu ở lầu Ngưng Bích, một tâm trạng sống không bằng chết, cô đơn chán nản cuộc đời và mất lòng tin ở con người.

*“Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân
Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung
Bốn bề bát ngát xa trông
Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia”*

- Phân tích hai từ “khóa xuân” hai từ này đã gọi lên trong lòng người đọc rất nhiều cảm xúc chua chát.

- Không gian càng mênh mông tăm tối, mịt mù càng làm cho tâm trạng Thúy Kiều trở nên tê lương bi đát hơn bao giờ hết. Một cuộc sống bị giam cầm tù đày cả về tâm hồn, lẫn thể xác.

*“Bẽ bàng mây sớm đèn khuya
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”*

- Hai từ “bẽ bàng” đã lột tả được mọi sự ê chề, đau đớn của Thúy Kiều, khi cô vừa bị Mã Giám Sinh lừa tình, rồi lại còn bị bán vào lầu xanh.

- “Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng” con người và cảnh vật đã thật sự hòa nhập vào làm một. Cảnh vật cũng như người đều mang cảnh u sầu, trống trải, cô đơn khắc khoải...

- Trong những câu thơ tiếp theo tác giả đưa nhịp bài thơ nhanh hơn, chuyển hướng tâm trạng của Thúy Kiều hồi tưởng lại những ngày xưa bình yên hạnh phúc.

*“Trông người dưới nguyệt chén đồng
Tin sương luống những rày trông mai chờ
Bên trời góc bể bơ vơ
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai”*

- Phân tích tâm trạng của Thúy Kiều khi nhớ về Kim Trọng mối tình đầu của nàng trong sự ê chề, bẽ bàng, tủi nhục này người nàng nhớ về đầu tiên chính là chàng Kim Trọng, nhớ người đã thề hẹn ước nguyện với nàng.

*“Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ”*

- Tâm trạng của Kiều khi nghĩ về cha mẹ. Nàng nghĩ về những người sinh thành ra mình, cảm thấy xót xa.

- Tâm trạng của Thúy Kiều lại trở về với thực tại của đời mình, trở về với nỗi đau hiện thực:

*“Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu
Buồn trông ngọn cỏ dầu dầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh”*

- Điệp từ “buồn trông” được nhắc đi nhắc lại trong khổ thơ. Nó như tâm trạng của Kiều lúc này, đúng là “người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”

- Câu thơ nói lên sự lênh đênh trên chặng đường đời nhiều sóng gió trước mặt Kiều. Nó nói lên sự phong ba, gập ghềnh mà Kiều sẽ phải đi qua:

*“Buồn trông sóng cuốn mặt duềnh
Âm ảm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”*

III. Kết bài:

- Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” là một bức tranh được vẽ lên với những màu sắc xám lạnh, gợi tả tâm trạng vô cùng sống động, nhưng nó cũng nhiều thể lượng ai oán.

- Phân tích bút pháp nghệ thuật “tả cảnh ngụ tình” của Nguyễn Du. Cảnh và người trong đoạn trích như hòa vào làm một.

2. Phân tích đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” của Nguyễn Du

Trong phần đầu của Truyện Kiều, Nguyễn Du đã dự cảm về số phận nàng Kiều không chỉ ở nhan sắc hơn người, mà còn trực tiếp ở câu thơ: “Sắc đành đòi một, tài đành họa hai”, và quả thật câu thơ đó đã vận vào đời nàng. Gia đình gặp tai biến, cha và em bị bắt, nàng phải bán mình chuộc cha. Không chỉ vậy, còn bị Mã Giám Sinh lừa bán vào lầu xanh. Cuộc đời nàng bắt đầu bước vào chuỗi ngày tăm tối khi bị giam ở lầu Ngưng Bích. Tất cả những điều đó được thể hiện rõ nét trong đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”.

Đoạn trích thuộc phần thứ hai “Gia biến và lưu lạc”, bố cục bài chia làm ba phần: phần đầu nói về cảnh ngộ và nỗi niềm của Thúy Kiều; phần hai là nỗi nhớ da diết, khắc khoải Kim Trọng và cha mẹ; phần ba cho thấy nỗi cô đơn, hãi hùng, dự cảm về tương lai đầy tai ương, bất trắc của chính mình.

Tình cảnh của Thúy Kiều hết sức đáng thương, sau khi biết mình bị lừa bán vào lầu xanh, Kiều uất ức định tự vẫn, nhưng Tú Bà đã ngăn lại và vờ hẹn đợi Kiều bình phục sẽ tìm người tốt gả chồng cho nàng, nhưng thực chất nàng bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, để mục ta chờ thời cơ thực hiện âm mưu mới.

Hai mươi hai câu thơ trong đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích đã thể hiện rõ bức tranh tâm cảnh của Kiều.

Từ một thiếu nữ tài sắc sống trong cảnh “êm đềm trướng rủ màn che”. Kiều đã trở thành món hàng trong màn mua bán của Mã Giám Sinh và giờ nàng đang sống trong cô đơn, nhớ thương đau buồn, lo âu nơi lầu Ngưng Bích. Hai mươi hai câu thơ trong đoạn trích

Kiều ở lầu Ngưng Bích đã thể hiện rõ bức tranh tâm cảnh của kiêu.
Sống nơi lầu Ngưng Bích là kiêu sống trong sự cô đơn tuyệt đối:

*"Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân
Về non xa tám trăng gần ở chung
Bốn bề bát ngát xa trông
Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia
Bẽ bàng mây sớm đèn khuya
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng."*

Kiều bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, hai chữ "khóa xuân" đã nói lên điều đó. "Khóa xuân" ở đây không phải nói tới những cô gái còn cấm cung mà là sự mĩa mai, chua xót cho thân phận nàng kiêu. Nàng trơ trọi giữa thời gian mênh mông, không gian hoang vắng trong hoàn cảnh tha hương, cô đơn, giờ lại bị đẩy vào chốn lầu xanh ô nhục. Trong cảnh ngộ như thế. Kiêu chỉ còn biết lắng nghe tiếng nói từ sâu thẳm lòng mình. Tâm trạng Kiêu trải ra theo cái nhìn cảnh vật. Nhìn lên trên là vàng trăng đơn côi, nhìn xuống mặt đất thì bên là cồn cát nhấp nhô lượng sóng bên là bụi hồng cuốn xa hàng vạn dặm. Lầu Ngưng Bích là một chấm nhỏ giữa thiên nhiên trơ trọi, giữa mênh mang trời nước. Cái lầu cao ngất nghểu, trơ trọi ấy giam hãm một thân phận trơ trọi. Không một bóng người, không một sự chia sẻ, chỉ có một thiên nhiên câm lặng làm bạn. Kiêu chỉ có một mình để tâm sự, để đối diện với chính mình. Trong cái không gian rợn ngợp và thời gian dài dặc, quần quanh "mây sớm đèn khuya" gợi vòng tuần hoàn khép kín của thời gian, tất cả như giam hãm con người, như khắc sâu thêm nỗi đơn côi khiến Kiêu càng thấy "bẽ bàng" chán ngán, buồn tủi. Sớm và khuya, ngày và đêm Kiêu thui thủi một mình nơi đất khách quê người, nàng chỉ còn biết làm bạn với mây và đêm. Trong nỗi cô đơn tuyệt đối ấy, lòng Kiêu dần tới lớp lớp những chua xót. Buồn vì cảnh hoang vu, rợn ngợp và buồn vì ái tình riêng khiến lòng như bị xé:

"Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng"

Nguyễn Du từ cảnh vật trước lầu Ngưng Bích đã nói lên những nỗi lòng của Thúy Kiều. Đó là sự cô đơn, vô vọng đến tuyệt đối và đó là những dư vị của bao tháng ngày gian khổ sung tấy. Tạm quên đi những chia xẻ trong lòng. Kiêu nhớ về những người thân:

*"Tưởng người dưới nguyệt chén đồng
Tin sương luống những rày trông mai chờ".*

Đối với những quy định phong kiến. Kiêu nhớ về người yêu rồi nhớ đến cha mẹ. Trong lúc này, nỗi đau đớn tình người yêu nữa còn xa xiết. Kỷ niệm còn mới đây thôi. Hơn thế nữa Kiêu lại bị Mã Giám Sinh mua chuộc, sớm đó bị đưa vào lầu xanh nên nỗi đau lớn nhất của nàng lúc này là: *"Tám son gột rửa bao giờ cho phai"* Chính bởi thế mà người đầu tiên nàng nghĩ tới là chàng Kim. Với cha mẹ nàng đã hy sinh bán mình nên phần nào đã đền đáp được ơn sinh thành. Còn với Kim Trọng, nàng là kẻ phụ tình, tối hèn. Trong tâm cảnh như thế, để Kiêu Nhớ chàng Kim trước là sự tinh tế của ngòi bút Nguyễn Du. Nhớ tới người yêu là nhớ tới đêm trăng thề nguyện. Vừa mới hôm nào, nàng cùng chàng uống chén rượu thề nguyện son sắc, một lòng cùng nhau một đời mà nay mối tình duyên đã chia đột ngột. Câu thơ như có nhịp thốn thức của trái tim rỉ máu. Kiêu đau đớn hình dung Kim Trọng vẫn ngày ngày hướng về nàng để chờ tin mà uống công vô ích. Càng nhớ chàng Kim bao nhiêu thì Kiêu lại thương cho thân mình bấy nhiêu. Thương mình bơ vơ bên trời góc bể, càng nuối tiếc mối tình đầu, càng hiểu rằng tám son mà nàng dành cho chàng Kim chẳng bao giờ nguôi ngoai. Không chỉ vậy mà tám son đã bị hoen ố của nàng đến khi nào mới rửa cho được. Trong nỗi nhớ còn có cả nỗi xót xa, ân hận, tủi hổ. Đặt trong hoàn cảnh cô đơn. Kiêu đã tạm để nỗi lòng mình lắng xuống và nhớ tới Kim Trọng. Đó là sự vị tha và tấm lòng

chung thủy của một con người. Nếu khi nhớ tới Kim Trọng. Kiều "tưởng" thì khi nghĩ tới cha mẹ Kiều "xót":

*"Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?
Sân lai cách mấy nắng mưa
Có khi gốc tử đã vừa người ôm".*

Nàng thương cha mẹ từ bấy đến nay vẫn sớm chiều tựa cửa chờ tin đứa con lưu lạc. Nàng xót thương da diết và day dứt khôn nguôi vì không thể quạt nồng, ấp lạnh, phụng dưỡng song thân khi già yếu. Thành ngữ "quạt nồng ấp lạnh", điển cố "Sân Lai, gốc tử" đều nói lên tâm trạng nhớ thương, tấm lòng hiếu thảo của Kiều. Nàng tưởng tượng nơi quê nhà tất cả đã đổi thay. Cha mẹ thì mỗi người thêm một già yếu mà nàng thì chẳng thể ở bên chăm sóc. Giờ đây khoảng cách không gian giữa nàng và cha mẹ là cách mấy nắng mưa. Thiên nhiên không chỉ tàn phá cảnh vật mà còn tàn phá cả con người. Lần nào khi nhớ tới cha mẹ. Kiều cũng nhớ ơn chín chữ cao sâu và luôn ân hận mình đã phụ công sinh thành nuôi dưỡng của cha mẹ. Nỗi nhớ của nàng được gửi vào chiều dài thời gian, vào chiều sâu không gian bởi vậy mà càng thêm da diết, sâu xa. Dù đau buồn bất hạnh nhưng trái tim Kiều đầy yêu thương, nhân hậu, vị tha. Nàng là người tình chung thủy, là người con rất mực hiếu thảo, là người có tấm lòng vị tha đáng trọng. Hai nỗi nhớ được biểu hiện khác nhau đó cũng là sự cảm thông lạ lùng của nhà thơ, tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Du đối với con người. Vấn đề sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình quen thuộc, những nỗi buồn khác nhau với lí do buồn khác nhau, trong lòng Kiều đã buồn tác động lại khiến càng buồn hơn và nỗi buồn ngày một ghê gớm, mãnh liệt hơn.

*"Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?
Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ dàu dàu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi."*

Tám câu thơ vừa là bức tranh tâm cảnh mà cũng là thực cảnh. Cảnh được miêu tả theo kiểu tứ bình trong con mắt trông bốn bề và từ xa tới gần. Cảnh đầu tiên mà Kiều trông thấy là bể lúc chiều hôm:

*"Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?"*

Không gian mênh mông và thời gian khi chiều tà muôn thuở gọi buồn. Giữa khung cảnh ấy chỉ có một con thuyền vô định và hiện hữu với cánh buồm thấp thoáng xa xa như một ảo ảnh. Cảnh đã gọi trong lòng người tha thương nỗi buồn nhớ về cha mẹ, quê nhà xa cách, nỗi cô đơn và khát khao sum họp. Cánh hoa trôi man mác trên ngọn nước mới sa gọi trong lòng Kiều nỗi buồn về thân phận trôi nổi, không biết rồi sẽ bị trôi dạt, bị vùi dập ra sao: "Buồn trông ngọn nước mới sa Hoa trôi man mác biết là về đâu!" Cách làm Kiều xót xa cho duyên phận, số kiếp của mình. Sau một cửa biển một cách hoa giữa dòng nước là cảnh của một nội cỏ:

*"Buồn trông nội cỏ dàu dàu
Chân mây mặt đất một mùa xanh xanh"*

Cả một nội cỏ trải ra mênh mông nhưng khác với cỏ trong ngày Thanh minh. Đó là "cỏ non xanh rợn trời", còn cỏ ở đây "dầu dầu". Một màu vàng úa gợi tới sự héo tàn, buồn bã. Màu xanh nhàn nhạt trải dài từ mặt đất tới chân mây không phải màu xanh của sự sống của hy vọng mà chỉ gợi nỗi chán ngán vô vọng vì cuộc sống vô vị, tẻ nhạt, cô quạnh này không biết bao giờ mới kết thúc. Cảnh mờ mịt cũng giống như tương lai mờ mịt, thân phận nội cỏ hoa héo của Thúy Kiều. Và cuối cùng là cảnh con sóng nổi lên âm âm sau cơn gió:

“Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Âm âm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”

Tiếng sóng như báo trước sóng gió dữ dội của cuộc đời hay cũng chỉ là tiếng kêu đau đớn của Kiều đồng vọng với thiên nhiên. Kiều không chỉ buồn mà còn lo sợ, kinh hãi như đang đứng trước sóng gió, bão táp của cuộc đời này sắp đổ xuống đầu nàng. Cảnh được miêu tả từ xa đến gần, màu sắc từ nhạt đến đậm, âm thanh từ tĩnh đến động. Cảnh ngày một rõ hơn để diễn tả nỗi buồn từ man mác mông lung đến âu lo kinh sợ dồn đến bão táp nội tâm. Thiên nhiên chân thực, sinh động nhưng mờ ảo bởi nó được nhìn theo quy luật "cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu, người buồn cảnh có vui đâu bao giờ". Và đó cũng là hiện thân, là tang vật của quá khứ khổ đau, hiện tại lẻ loi bất hạnh và báo hiệu một tương lai khủng khiếp. Tất cả đều là hình ảnh về sự vô định, mong manh, vô vọng, sự trôi dạt, bế tắc. Đoạn thơ gồm bốn cặp câu lục bát cũng là bốn cảnh và cặp câu được liên kết nhờ điệp ngữ "buồn trông".

*"Buồn trông cửa biển chiều hôm
Buồn trông ngọn nước mới xa
Buồn trông nội cỏ dầu dầu
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh"*

"Buồn trông" là nhìn xưa mà trông ngóng một cái gì mơ hồ sẽ đến làm thay đổi hiện tại nhưng trông mà vô vọng. "Buồn trông" có cái thoáng thất lo âu, có cái xa lạ cuốn hút tầm nhìn, có cả sự dự cảm hãi hùng của người con gái lần đầu lạc bước giữa cuộc đời ngang nửa. Điệp ngữ kết hợp với hình ảnh đứng sau cùng các từ láy đã diễn tả nỗi buồn với nhiều sắc độ khác nhau, trào dâng lớp lớp như những con sóng lòng. Điệp ngữ tạo nên những vằn bằng, gợi âm hưởng trầm buồn man mác, diễn tả nỗi buồn mênh mang sâu lắng, vô vọng đến vô tận. "Buồn trông" trở thành điệp khúc của đoạn thơ cũng như điệp khúc của tâm trạng. Bằng một gam màu nhạt và lạnh, Nguyễn Du đã vẽ lên một bộ tứ bình tâm trạng hết sức độc đáo và xúc động. Khúc ca khép lại đầy dư âm với hòa tấu phức điệu của sóng biển, "sóng lòng", "sóng đời" đang vang lên những tiếng gầm gào của hiểm họa như muốn hát tung, nhấn chìm người con gái cô đơn, tội nghiệp trên diềm tựa chiếc ghế đời mỏng manh. Lúc này Kiều trở nên tuyệt vọng, yếu đuối nhất để rồi sự bị lừa gạt và dẫn thân vào cuộc đời "thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần". Để thể hiện tâm trạng phức tạp mỗi nỗi buồn ôm trọn ba nỗi buồn: buồn nhớ người yêu, buồn nhớ cha mẹ và buồn cho chính mình. Nguyễn Du đã chọn cách thể hiện "tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này" thật độc đáo tạo nên đoạn thơ tuyệt bút với bút pháp tả cảnh ngụ tình. Tóm lại, Kiều ở lầu Ngưng Bích là một bức tranh đa dạng, phong phú về ngoại cảnh và tâm cảnh khắc họa nỗi buồn, sợ hãi mà Kiều đang nếm trải, dự báo sóng gió bão bùng mà nàng phải trải qua trong mười lăm năm lưu lạc "thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần". Đoạn thơ có giá trị nhân bản sâu sắc đồng thời thể hiện tấm lòng nhân hậu, cảm thương chia sẻ của Nguyễn Du với nỗi đau của Thúy Kiều.

3. Cảm nghĩ của em về đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” của Nguyễn Du

Nhà thơ Nguyễn Đình Thi đã viết: "Tiếng nói Việt Nam trong Truyện Kiều như làm bằng ánh sáng vậy, nó trong suốt như dòng suối, dòng suối long lanh đáy nước in trời"... Dòng suối ấy hòa tan và làm trong trẻo cả những điển tích, những từ Hán Việt xa lạ để biến nó thành thơ, thành nhạc trong tiếng nói Việt Nam. Đặc biệt ở những đoạn diễn tả trực tiếp tâm trạng, những tình cảm sâu sắc, chân thực của con người, lời thơ càng giản dị truyền cảm:

*"Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân,
Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung.
Bốn bề bát ngát xa trông,
Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia.
Bẽ bàng mây sớm đèn khuya,
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng..."*

Sáu câu thơ đầu mô tả cảnh đẹp và tâm trạng của Kiều trước cảnh đẹp ấy. Với chúng ta, bức tranh ấy có cả nàng Kiều đang bị "khóa xuân", bị cấm cung, không được ra khỏi nhà, nhưng với Kiều thì bức tranh được vẽ bởi những nét chấm phá đơn sơ, tĩnh nhiều hơn động của hoàng hôn sắp về. Cái khéo của nhà thơ là dùng ngôn ngữ diễn đạt hiện thực của tâm mắt nhìn chứ không miêu tả hiện thực của sự vật ở trong tranh. Trước mắt Kiều:

*Vẻ non xa, tấm trăng gần ở chung.
Hồn bề bát ngát xa trông,
Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia.*

Thiên nhiên có tác động rất lớn đến tâm hồn con người, là hình ảnh phản chiếu tâm hồn con người – Nguyễn Du từ thời đó đã nói với chúng ta như thế. Ở lầu Ngưng Bích, chỉ có mình Kiều với thiên nhiên. "Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung"... không phải là "dãy núi và mảnh trăng như ở cùng trong một vòm trời, như trong cùng một bức tranh" (Văn 9 - phần chú giải) mà là "ở chung" với nàng Kiều. Nói vậy có vẻ như thô thiển, nhưng nếu phải tìm hiểu tận cùng ngữ nghĩa, thì đúng là nàng Kiều chỉ có thiên nhiên làm bầu bạn. Tất cả mọi dáng vẻ của thiên nhiên: xa mờ như sắc núi có thể nhìn thấy lúc ban ngày đẹp trời, gần gũi như mảnh trăng lúc ban đêm... sớm lại chiều, ngày này qua ngày khác, nhìn thấy được nhưng không thể cùng nàng chuyện trò, chia sẻ... Lầu Ngưng Bích hẳn ở một nơi hoang vắng, ít người qua lại, khắp "bốn bề" và cho đến tận "xa trông", về phía nào cũng chỉ thấy bụi cây, cồn cát. Mỗi câu thơ là một cặp đối xứng: vẻ non xa - tấm trăng gần mờ ảo; cát vàng cồn nọ - bụi hồng dặm kia tầng tầng lớp lớp; mây sớm - đèn khuya vắng lặng cô đơn... Cái vẻ đối xứng tạo nên cảm giác trùng lặp của hình ảnh ấy, chính là những nỗi ngổn ngang, bề bộn trong lòng nàng Kiều, không dám hi vọng, tin tưởng mà cũng không hoàn toàn là tuyệt vọng đớn đau. Vì nàng còn quá trẻ, vì dù gặp tai biến, cuộc đời cũng mới chỉ bắt đầu. Nhưng nếu nàng vừa hi vọng, dù chỉ mơ hồ, thấp thoáng, thì lại không tránh khỏi "bẽ bàng" tội nghiệp ngay trong vô vọng. "Nửa tình, nửa cảnh", buồn rồi nhớ, đợi chờ, hi vọng rồi thất vọng "như chia tấm lòng". nỗi nhau đến rồi đi trong lòng nàng như thế.

Bức tranh không có nhiều chi tiết, màu sắc không tươi, không sinh động như bức tranh chị em Kiều đi du xuân và hình như màu xanh của núi, ánh vàng của trăng, màu của cát... pha chút sắc đen buồn lắng của đất biển về chiều. Kiều không phải vừa mới đến, ít nhất là nàng đến từ hôm qua mới có thể cô đơn, chán ngán, buồn tủi với "mây sớm, đèn khuya". Bây giờ, chiều đang dần rơi, một mình buồn dạo lầu không mới phát hiện ra cảnh đẹp của trời đất để rồi cảm thấy mình:

Nửa tình, nửa cảnh như chia tấm lòng

Trong tình cảnh đó, người mà nàng nhớ đến trước hết là chàng Kim Trọng, người đã cùng nàng gắn bó “Tuồng người dưới nguyệt chén đồng. Tin sương luống những rày trông mai chờ”. Sách Văn 9 đã chú giải rất đúng về câu thơ này. Không phải là nàng Kiều mong chờ “tin sương” của Kim Trọng, mà chính là nàng đang hình dung ra Kim Trọng trong nỗi “rày trông mai chờ” nàng. Từ lúc phải cân nhắc “bên tình bên hiếu” và quyết định “đệ lờn thề hải minh sơn” sang một bên mà bán mình chuộc cha, nàng đã xác định với mình để không bao giờ còn đợi chờ, hi vọng. Huống chi bây giờ thân nàng đã rơi vào tay bọn Tú bà và họ Mã. Nhưng còn chàng Kim chàng đâu đã biết việc nàng gặp tai biến. Ở Liêu Dương xa xôi, chàng vẫn ngày đêm trông chờ để sớm gặp lại nàng (mà dù có về nơi cũ, biết rồi, chàng chắc vẫn mong chờ nàng như thế!). Trong tình yêu cũng như trong cuộc đời, bất cứ lúc nào nàng Kiều cũng nghĩ đến người khác, nghĩ cho người khác trước khi nghĩ đến mình. Riêng đối với chàng Kim, nàng còn mang nặng một nỗi lòng yêu thương, ân hận như mình có lỗi. Để chàng Kim phải nhớ mong, đau khổ, nàng cho là lỗi của mình... Trong suốt 15 năm, mỗi lần nghĩ đến chàng Kim, nỗi đau ấy vẫn làm nàng nhức nhối, và theo thời gian, càng thấm thía những thăng trầm tủi nhục của chính mình, nàng lại càng thương nỗi lòng trông đợi của chàng. Và như vậy, nàng biết rằng nàng sẽ không bao giờ quên được mối tình đối với chàng Kim, dù cuộc đời có lưu lạc nơi “chân trời góc bể”, dù nàng có muốn “gột rửa”, muốn quên lãng nó đi...

Trong tình cảnh đó, người mà nàng nhớ đến trước hết là chàng Kim Trọng, người đã cùng nàng gắn bó Cũng trong nỗi lòng thương nhớ luôn hướng về người khác ấy, nàng hình dung cha mẹ già “tựa cửa” hôm mai ngóng tin nàng. Nàng hình dung cuộc sống của cha mẹ mà nàng không còn được ở gần để chăm sóc, “quạt nồng ấp lạnh”, để làm cho mẹ cha vui lúc tuổi già. Duy nhất trong đoạn thơ, chỗ này có dùng điển tích (“Sân Lai...”).

Nghĩ về cha mẹ, nghĩ về Kim Trọng, cuối cùng lại trở về với thiên nhiên mệnh mông trước mặt: “Buồn trông cửa bể chiều hôm...”. Đã bao lần Kiều “buồn trông” như thế, nhưng đến đây, những nỗi niềm của nàng trở nên nặng trĩu. Tám câu thơ, bốn cặp lục bát cùng một từ mở đầu, cùng một nỗi buồn, nhưng mỗi cặp câu là một vẻ buồn, một nghĩa buồn khác nhau. (Đoạn thơ cuối này, thực chất là một bài thơ chính nàng Kiều viết, chính là nỗi lòng của nàng lên biến thành thơ - 2 câu liền sau đó mà ở đây không trích, đã nói rõ: “Xung quang những nước non người/ Đau lòng lưu lạc nên vài bốn câu”. Và từ đó mới dẫn đến việc Sở Khanh “họa vắn” để làm quen với Kiều).

Trong tình cảnh đó, người mà nàng nhớ đến trước hết là chàng Kim Trọng, người đã cùng nàng gắn bó Cũng trong nỗi lòng thương nhớ luôn hướng về người khác ấy, nàng hình dung cha mẹ già “tựa cửa” hôm mai ngóng tin nàng. Nàng hình dung cuộc sống của cha mẹ mà nàng không còn được ở gần để chăm sóc, “quạt nồng ấp lạnh”, để làm cho mẹ cha vui lúc tuổi già. Duy nhất trong đoạn thơ, chỗ này có dùng điển tích (“Sân Lai...”).

Nghĩ về cha mẹ, nghĩ về Kim Trọng, cuối cùng lại trở về với thiên nhiên mệnh mông trước mặt: “Buồn trông cửa bể chiều hôm...”. Đã bao lần Kiều “buồn trông” như thế, nhưng đến đây, những nỗi niềm của nàng trở nên nặng trĩu. Tám câu thơ, bốn cặp lục bát cùng một từ mở đầu, cùng một nỗi buồn, nhưng mỗi cặp câu là một vẻ buồn, một nghĩa buồn khác nhau. (Đoạn thơ cuối này, thực chất là một bài thơ chính nàng Kiều viết, chính là nỗi lòng của nàng lên biến thành thơ - 2 câu liền sau đó mà ở đây không trích, đã nói rõ: “Xung quang những nước non người/ Đau lòng lưu lạc nên vài bốn câu”. Và từ đó mới dẫn đến việc Sở Khanh “họa vắn” để làm quen với Kiều).

“Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”. Cửa bể chiều hôm vốn mệnh mông hoang vắng, cánh buồm thấp thoáng đi về chốn xa xôi, bao giờ cũng buồn, càng gợi buồn hơn trong cảnh quê người đất khách. Và bao trùm lên tất cả những hình ảnh diễn tả nỗi buồn ấy, ta có thể đọc thấy một nỗi trông chờ tuyệt vọng, khắc khoải; một sự tìm kiếm, một lời kêu gọi:

đi đâu, về đâu, có ai?... Hay tất cả chỉ là sự im lặng hoang vắng? Những vần thơ có sức lay động, khơi gợi sự đồng cảm của con người chính vì lẽ đó, vì nó diễn tả chân thật nỗi khát khao cuộc sống, nỗi khát khao tình người...

Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du vô cùng điêu luyện, cảnh mang hồn người. Cảnh và tình hòa hợp, sống động, hình tượng, biểu cảm. Tả cảnh để tả tình, trong cảnh có tình, lấy cảnh để phô diễn tâm trạng "người buồn cảnh có vui đâu bao giờ!". Mỗi một cảnh vật là một nét đau, nỗi lo, nỗi buồn tê tái người con gái lưu lạc.

Đoạn thơ có giá trị nhân bản sâu sắc. Nó dấy lên trong lòng mỗi chúng ta những xót thương về con người tài sắc bạc mệnh. Một thái độ yêu thương, một tấm lòng nhân hậu, cảm thông, chia sẻ của nhà thơ đối với nỗi đau của Thúy Kiều đã để lại ấn tượng sâu sắc trong trái tim người đọc qua hàng thế kỉ nay.